

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST

Ngày 04-8-2023

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng và bà Nguyễn Thị Hoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thanh Huyền - Thư ký TAND huyện Tứ Kỳ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Loan- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2023/QĐST-HNGĐ ngày 24/7/2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Bùi Xuân T**, sinh năm 1983;

ĐKKHKT: thôn T, xã C, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương;

- *Bị đơn:* Chị **Vũ Thị C**, sinh ngày 1985;

ĐKKHKT: thôn T, xã C, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương;

Chỗ ở hiện nay: Thôn V, xã N, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương;

- *Người làm chứng:*

+ Bà **Bùi Thị T**, sinh năm 1954.

Địa chỉ: thôn T, xã C, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương;

Anh T có mặt, chị C, bà T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn anh Bùi Xuân T trình bày:*

+ Về hôn nhân: Anh và chị Vũ Thị C kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Tứ Kỳ ngày 19/11/2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 17 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, bất đồng quan điểm. Bên cạnh đó, chị C không chung thủy, có người đàn ông khác, có lần anh bắt gặp chị vào nhà nghỉ với người đàn ông khác (anh không rõ là ai), bực tức anh có đuổi theo và tát chị C vài cái. Từ đó chị C bỏ đi và không quay về

đoàn tụ với anh nữa. Vợ chồng ly thân từ tháng 10/2021 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị C để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Thị C, sinh ngày 25/8/2005 và Bùi Văn T, sinh ngày 27/12/2009, hiện nay cả hai con đang ở với anh. Anh xin nuôi dưỡng cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh đang làm thợ xây ở địa phương, thu nhập bình quân khoảng 15.000.000 đồng/tháng, có chỗ ở rộng rãi, đủ để bố con anh sinh sống.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, bị đơn chị Vũ Thị C trình bày:*

+ Về hôn nhân: Về thời gian và điều kiện kết hôn như anh T đã trình bày là đúng, sau khi kết hôn, vợ chồng về ở cùng với bố mẹ anh T ở địa phương. Vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được khoảng 17 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, bất đồng quan điểm. Bên cạnh đó anh T là người thiếu trách nhiệm với gia đình, con chung, kinh tế không thống nhất. Tháng 10/2021, anh T nghi ngờ chị không chung thủy nên đã gán định vị, theo dõi chị. Khi đi làm về, chị có đi qua nhà nghỉ đến quán mua quần áo cho con. Khi anh T nhìn thấy đã lao vào túm tóc, đánh chị, chửi bới và có những lời lẽ xúc phạm cho rằng chị ngoại tình. Sau sự việc trên, chị đã dọn ra ngoài thuê nhà để ở, vợ chồng ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm gì đến nhau. Nay anh T xin ly hôn, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí ly hôn để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như anh T đã trình bày là đúng, các cháu tên là Bùi Thị C, sinh ngày 25/8/2005 và Bùi Văn T, sinh ngày 27/12/2009, hiện nay cả hai con đang ở với bố. Anh T có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng hai con chung và tự nguyện không yêu cầu chị cấp dưỡng, chị cũng nhất trí.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Hai vợ chồng tự thỏa thuận, phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả làm việc với bà Bùi Thị T (mẹ đẻ anh T) xác định: anh T, chị C được tự do tìm hiểu, tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn, anh chị về ở cùng với ông bà, quá trình chung sống, vợ chồng hoàn thuận, hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì lớn. Tuy nhiên tháng 10/2021 thì xảy ra xô xát, bà được nghe anh T đã trao đổi với bố mẹ vợ và ông bà rằng, chị C đi cặp bồ, khi chị C đang ở nhà nghỉ với người khác thì anh T đến có tát chị C vài cái và đuổi đi. Từ đó mà chị C chuyển ra ngoài đi thuê nhà ở, vợ chồng không quay về đoàn tụ. Bà đã nhiều lần gọi điện động viên chị C về để vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng chị C không về, chị ấy xác định không có lỗi gì mà anh T đuổi, nên chị ấy nên chị không về. Bà cũng đã gặp gỡ thông gia để có biện pháp hòa giải nhưng không có kết quả. Là bậc cha mẹ ai cũng mong muốn con mình hạnh phúc, tuy nhiên vợ chồng

anh T, chị C đã sống ly thân nhau một thời gian dài, tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Trường hợp Tòa án giao con cho anh T nuôi dưỡng, vợ chồng bà sẽ tạo mọi điều kiện về chỗ ở, sinh hoạt và hỗ trợ anh T chăm sóc con với những điều kiện tốt nhất.

+ Kết quả làm việc với đại diện UBND xã và các đoàn thể xã C, trưởng thôn T đều cung cấp: Anh T, chị C được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo luật định. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống tại địa phương, quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, không có sự yêu thương, chia sẻ. Anh T nghi ngờ chị C không chung thủy nên thường xuyên xảy ra cãi vã. Từ tháng 10/2021, chị C bỏ ra ngoài ở, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay, anh T xin ly hôn chị C, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật; Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Thị C, sinh ngày 25/8/2005 và Bùi Văn T, sinh ngày 27/12/2009. Do các cháu đã lớn nên đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của các cháu và giải quyết về con chung theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, anh T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Chị C vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Bùi Xuân T được ly hôn chị Vũ Thị C; Về con chung: Giao cho anh Bùi Xuân T được nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung Bùi Thị C, sinh ngày 25/8/2005 và Bùi Văn T, sinh ngày 27/12/2009 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con. Chị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh T, chị C không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Anh Bùi Xuân T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Vũ Thị C đã được Tòa án triệu tập đến tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt không lý do; Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị C

[2] Về hôn nhân: Anh Bùi Xuân T và chị Vũ Thị C kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện Tứ Kỳ ngày 19/11/2004 là hôn nhân hợp pháp.

[3] Sau khi kết hôn, vợ chồng hạnh phúc, hoà thuận được khoảng 17 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt cũng như cách làm ăn phát triển kinh tế gia đình, vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm. Theo anh T trình bày, chị C có lối sống không chung thủy, có người đàn ông khác và qua theo dõi thì thấy chị C nhiều đêm nhắn tin, gọi điện với người đàn ông khác, có lần đi vào nhà nghỉ bị anh bắt gặp, bức tức anh mới tát chị C vài cái. Còn theo chị C, anh T là người thiếu trách nhiệm với gia đình, con chung, kinh tế không thống nhất, nghi ngờ chị không chung thủy, theo dõi chị, thực tế chị đi mua quần áo chứ không vào nhà nghỉ, nhưng anh T không nghe, đánh đuổi và xúc phạm chị. Từ tháng 10/2021, chị C đã thuê nhà ra ngoài để sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, lời khai của anh T phù hợp với lời khai của chị C và bà Bùi Thị Thu (mẹ đẻ anh T) cũng như biên bản làm việc giữa Toà án với trưởng thôn và đại diện các đoàn thể xã C, anh T xin ly hôn, chị C nhất trí. Sau khi Tòa án ra thông báo hòa giải, chị C cũng không đến tham gia hòa giải, điều đó thể hiện chị C cũng không muốn quay về đoàn tụ cùng với anh T nữa. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận tình trạng hôn nhân giữa anh T, chị C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho anh T được ly hôn chị C là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bùi Thị C, sinh ngày 25/8/2005 và Bùi Văn T, sinh ngày 27/12/2009, hiện đang ở với bố. Xét nguyện vọng của các con chung và quan điểm của anh T, chị C thấy rằng: Cả hai con chung đều có nguyện vọng được ở với bố, anh T nhất trí. Hiện anh T đang làm nghề xây dựng tự do có mức thu nhập trung bình khoảng 15 triệu đồng/tháng, có chỗ ở để bố con sinh hoạt, thuộc trường hợp đủ điều kiện nuôi con. Chị C có quan điểm trường hợp anh T xin nuôi dưỡng hai con chung và tự nguyện không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con, chị nhất trí. Do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển của con chung, cần tiếp tục giao cho anh T nuôi dưỡng hai con chung. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con. Chị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh T, chị C không yêu cầu nên Toà án không giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Bùi Xuân T khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ...án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Bùi Xuân T được ly hôn chị Vũ Thị C.

2. Về con chung: Giao cho anh Bùi Xuân T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung Bùi Thị C, sinh ngày 25/8/2005 và Bùi Văn T, sinh ngày 27/12/2009 cho đến khi các con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi, hiện cả hai con đang ở với anh T). Chấp nhận sự tự nguyện của chị C không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Chị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Bùi Xuân T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo biên lai số AA/2021/0004926 ngày 11/5/2023.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã C, huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Quân